

UBND HUYỆN PHONG THỔ
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT HUYỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐPH-PTP

Phong Thổ, ngày tháng 5 năm 2022

V/v sơ kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở (HGCS); xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022;

Thực hiện Công văn số 07/HĐPH-STP ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng phối hợp PBGDPL Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu V/v sơ kết công tác PBGDPL; HGCS; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm 2022.

Để chuẩn bị cho việc sơ kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2022, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện đề nghị các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện; UBND các xã, thị trấn tiến hành sơ kết và báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm 2021 bằng văn bản (theo đề cương và phụ biểu đính kèm) gửi về Phòng Tư pháp - Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện, trước ngày 07 tháng 6 năm 2022, đồng thời gửi bản mềm báo cáo qua địa chỉ Gmail: changadung.pt@gmail.com hoặc địa chỉ Zalo: 0983 915 724.

Thời điểm lấy số liệu báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/5/2021;

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Phòng Tư pháp theo số điện thoại: 0983 915 724 để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Mai Thị Hồng Sim - Phó chủ tịch UBND huyện - Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện (b/c);
- Lưu: PTP.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Đèo Văn Vĩnh**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SƠ KẾT

(Kèm theo Công văn số: /HĐPH-PTP ngày 25/5/2022
của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện)

I. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện

Việc tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó nêu rõ số, ngày, tháng, năm ban hành; cơ quan ban hành; nội dung triển khai.

2. Kết quả triển khai Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản liên quan

2.1. Hoạt động củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức, nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL

Kiện toàn, củng cố tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện, cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL, đơn vị cấp xã vẫn duy trì hoạt động của Hội đồng phối hợp; Câu lạc bộ pháp luật; Trung tâm pháp luật cộng đồng;... Đề nghị báo cáo nêu rõ số lượng tổ chức, thành viên, kết quả hoạt động.

Công tác củng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật:

- Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; đội ngũ giảng viên, giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân, pháp luật (*số lượng, chất lượng*).

- Sự quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ này: Tập huấn; trang bị tài liệu tuyên truyền; chính sách đãi ngộ (*hoạt động, số lượng*)....

2.2. Nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Trên cơ sở các nội dung, hình thức PBGDPL được thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp số liệu báo cáo, trong đó tập trung vào kết quả thực hiện các hình thức sau:

- Tuyên truyền miệng pháp luật: số cuộc, số lượt người tham dự.

- Tuyên truyền thông qua việc biên tập và phát hành tài liệu: sách hỏi đáp pháp luật; sách tìm hiểu pháp luật; các ấn phẩm báo chí; tờ rơi, tờ gấp...(đề nghị nêu rõ tên tài liệu, số lượng).

- Tuyên truyền thông qua các hội thi, cuộc thi viết tìm hiểu pháp luật (nội dung tổ chức, số lượt người tham dự).

- Tuyên truyền thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý...

- Phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo, đài, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử), loa truyền thanh cơ sở

(nêu rõ số lượng tin, bài, thời lượng phát sóng những văn bản, chương trình về PBGDPL);

- Các hình thức khác như: tuyên truyền PBGDPL thông qua sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật; xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật cấp xã; tủ sách pháp luật các cơ quan, đơn vị, trường học (số lượng tủ sách, số lượng đầu sách pháp luật, số người tìm hiểu sách); ký cam kết không vi phạm pháp luật, pa nô, áp phích, điều hành, cổ động;....

- Ngoài các hình thức chủ yếu nêu trên đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật mới, mang lại hiệu quả thiết thực được thực hiện trên thực tế (nếu có).

2.3. Việc triển khai thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù; triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách tư pháp; tuyên truyền các điều ước, thỏa thuận quốc tế; các chương trình phối hợp PBGDPL;...

Đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề, lĩnh vực, đối tượng quản lý.

2.4. Triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các nhà trường; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trong giáo trình, sách giáo dục; các hình thức, cách làm hay, sáng tạo nhằm nhân rộng trong nhà trường.

2.5. Kết quả tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và triển khai nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả triển khai tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết mới được thông qua, có hiệu lực năm 2021.

2.6. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác PBGDPL

Nêu rõ nguồn kinh phí được cấp, huy động xã hội hóa; như khó khăn, vướng mắc trong việc bố trí kinh phí, tạo điều kiện để triển khai công tác PBGDPL.

II. CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Công tác củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ hòa giải ở cơ sở (Các xã, thị trấn báo cáo)

Kết quả công tác củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ cho hòa giải viên; việc tập huấn, nâng cao chất lượng hoạt động; điều kiện bảo đảm cho hoạt động hòa giải ở cơ sở;... (số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên; số lượng các buổi tập huấn, bồi dưỡng, kinh phí hỗ trợ các tổ hòa giải và các vụ việc hòa giải).

2. Kết quả hoạt động hòa giải (*Các xã, thị trấn báo cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện báo cáo kết quả hoạt động hòa giải tại tòa*)

Số lượng vụ việc hòa giải, số vụ việc hòa giải thành, số vụ việc hòa giải không thành, số vụ việc đang tiến hành hòa giải.

III. XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (*Các xã, thị trấn báo cáo*)

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn báo cáo kết quả công tác tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và kết quả triển khai hoạt động xây dựng, xã phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm 2022:

2. Kết quả triển khai hoạt động xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng đầu năm 2022; các giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đơn vị báo cáo:

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA
BÀN.....
(6 tháng, năm 2022)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022
đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)

	Số Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã (Người)		Số Báo cáo viên pháp luật cấp huyện (Người)		Số Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (Người)		Kết quả hoạt động PBGDPL										Ghi chú
							PBGDPL trực tiếp		Thi tìm hiểu pháp luật		Số tài liệu PBGDPL được phát hành (Bản)		Kinh phí dành cho công tác PBGDPL (Đồng)				
	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Tổng số	Trong đó: Số người tham gia phổ biến pháp luật trực tiếp	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó: Số lượng tài liệu đăng tải trên Internet	Tổng số kinh phí	Chia ra		Kinh phí từ nguồn hỗ trợ khác	
												Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên	Kinh phí NSNN cấp theo chương trình, đề án				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I. Tổng số trên địa bàn huyện, thành phố																	
II. Cấp huyện																	
III. Tại cấp xã																	

Ngày tháng năm 2021
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Đơn vị báo cáo:

SỐ TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ VÀ HOÀ GIẢI VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN
(6 tháng, năm 2022)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022
đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)

	Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (Người)							Ghi chú
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo trình độ chuyên môn		Trong đó		
			Nam	Nữ	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	Dân tộc thiểu số	Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Tổng số trên địa bàn huyện, thành phố									
1. Xã...									

Ngày tháng năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lưu ý: Các cơ quan, chuyên môn của huyện và các ban, ngành, đoàn thể huyện không phải tổng hợp biểu này.

Đơn vị:

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, XÂY DỰNG CẤP XÃ
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ**
(6 tháng, năm 2022)

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022
đến ngày 31 tháng 5 năm 2022)

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang) (<i>Vụ việc</i>)	Kết quả hòa giải (<i>Vụ việc</i>)					Số vụ việc chưa giải quyết xong	Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (<i>Đồng</i>)		Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật		Ghi chú
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành			Số vụ việc chưa giải quyết xong		Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó: Kinh phí Chi thù lao	Số xã	Số phường, thị trấn	
			Tổng số	Chia ra								
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình							
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Tổng số trên địa bàn huyện, thành phố												
1. Xã...												

Ngày tháng năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Lưu ý: Các cơ quan, chuyên môn của huyện và các ban, ngành, đoàn thể huyện không phải tổng hợp biểu này.